TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/KDTM-ST
Ngày: 18-4-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Ông Phạm Minh Hiếu;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 45/2022/TLST- KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2022, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2023/QĐST-KDTM ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần V (sau đây viết tắt là VBank); địa chỉ: Số N, đường L, phường L, quận Đ, Thành phố H;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Khoa H, sinh năm 1996 và ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tầng 1, số M đường C, Phường B, Quận C, Thành phố H (Là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 20/11/2022). Có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A (sau đây viết tắt là Công ty A); Địa chỉ trụ sở: Số X Đường ĐT, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Đặng Hoàng A - Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Đặng Hoàng A, sinh năm 1983; Địa chỉ thường trú: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh T. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1994; Địa chỉ thường trú: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 10 tháng 10 năm 2022, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn VBank do ông Trần Khoa H đại diện trình bày:*

VBank và Công ty A đã ký kết các Hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng cho vay hạn mức số: H09/20083 ngày 28/02/2020 với hạn mức 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng); Thời hạn cho vay 12 tháng; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động xây dựng nhà các loại;

+ Hợp đồng cho vay hạn mức số: ECH/21022 ngày 05/4/2021 với hạn mức 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng); Thời hạn cho vay 12 tháng; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động xây dựng nhà để ở;

+ Hợp đồng cho vay hạn mức số: ECH/21071 ngày 09/12/2021 với hạn mức 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng); Thời hạn cho vay 12 tháng; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động xây dựng nhà để ở.

Công ty A đã được giải ngân số tiền 5.494.000.000 đồng và quá trình sử dụng vốn vay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cụ thể tại các Khế ước nhận nợ như sau:

+ Khế ước nhận nợ lần 10 số H09/20083-10 ngày 23/12/2020 với số tiền là 500.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 16,1%/năm; số tiền gốc đã thanh toán: 462.000.000 đồng; số tiền lãi đã thanh toán: 43.958.964 đồng; ngày quá hạn: 21/12/2021; số nợ còn lại tính đến ngày 18/4/2023 là: 38.000.000 đồng nợ gốc; nợ lãi 7.987.734 đồng và lãi chậm trả 376.786 đồng, tổng cộng 8.364.519 đồng.

+ Khế ước nhận nợ lần 11 số H09/20083-11 ngày 26/01/2021 với số tiền là 590.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 16,8%/năm; số tiền gốc đã thanh toán: 500.000.000 đồng; số tiền lãi đã thanh toán: 51.439.403 đồng; ngày quá hạn: 21/12/2021; số nợ còn lại tính đến ngày 18/4/2023 là: 90.000.000 đồng nợ gốc; nợ lãi 30.354.170 đồng và lãi chậm trả 2.158.478 đồng, tổng cộng 32.512.648 đồng.

+ Khế ước nhận nợ lần 12 số H09/20083-12 ngày 27/02/2021 với số tiền là 405.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 17,8%/năm; số tiền gốc đã thanh toán: 303.750.000 đồng; số tiền lãi đã thanh toán: 35.846.626 đồng; ngày quá hạn: 20/12/2021; số nợ còn lại tính đến ngày 18/4/2023 là: 101.250.000 đồng nợ gốc; nợ lãi 37.326.980 đồng và lãi chậm trả 2.670.191 đồng, tổng cộng 39.997.171 đồng.

+ Khế ước nhận nợ lần 01 số ECH/21022-01 ngày 05/04/2021 với số tiền là 549.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 18%/năm; số tiền gốc đã thanh toán: 366.001.214 đồng; số tiền lãi đã thanh toán: 45.049.941 đồng; ngày quá hạn: 20/12/2021; số nợ còn lại tính đến ngày 18/4/2023 là: 182.998.786 đồng nợ gốc; nợ lãi 67.945.985 đồng và lãi chậm trả 4.829.786 đồng, tổng cộng 72.775.771 đồng.

+ Khế ước nhận nợ lần 02 số ECH/21022-02 ngày 27/04/2021 với số tiền là 346.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 18%/năm; số tiền gốc đã thanh toán: 201.950.000 đồng; số tiền lãi đã thanh toán: 27.248.364 đồng; ngày quá hạn: 21/12/2021; số nợ còn lại tính đến ngày 18/4/2023 là: 144.050.000 đồng nợ gốc; nợ lãi 54.040.894 đồng và lãi chậm trả 3.878.727 đồng, tổng cộng 57.919.621 đồng.

+ Khế ước nhận nợ lần 03 số ECH/21022-03 ngày 31/05/2021 với số tiền là 374.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 18%/năm; số tiền gốc đã thanh toán: 187.002.000 đồng; số tiền lãi đã thanh toán: 25.517.115 đồng; ngày quá hạn: 20/12/2021; số nợ còn lại tính đến ngày 18/4/2023 là: 186.998.000 đồng nợ gốc; nợ lãi 69.989.347 đồng và lãi chậm trả 4.991.451 đồng, tổng cộng 74.980.798 đồng.

+ Khế ước nhận nợ lần 04 số ECH/21022-04 ngày 30/06/2021 với số tiền là 405.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 18%/năm; số tiền gốc đã thanh toán: 168.750.000 đồng; số tiền lãi đã thanh toán: 26.256.785 đồng; ngày quá hạn: 20/12/2021; số nợ còn lại tính đến ngày 18/4/2023 là: 236.250.000 đồng nợ gốc; nợ lãi 86.953.753 đồng và lãi chậm trả 4.358.301 đồng, tổng cộng 91.312.054 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số 300721-6125367-ONL-2 ngày 30/07/2021 với số tiền là 440.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 18%/năm; số tiền gốc đã thanh toán: 146.666.664 đồng; số tiền lãi đã thanh toán: 21.810.226 đồng; ngày quá hạn: 20/12/2021; số nợ còn lại tính đến ngày 18/4/2023 là: 293.333.336 đồng nợ gốc; nợ lãi 110.843.245 đồng và lãi chậm trả 7.958.482 đồng, tổng cộng 118.801.727 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số 270821-6125367-ONL-4 ngày 27/08/2021 với số tiền là 444.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 18%/năm; số tiền gốc đã thanh toán: 111.000.000 đồng; số tiền lãi đã thanh toán: 17.365.363 đồng; ngày quá hạn: 20/12/2021; số nợ còn lại tính đến ngày 18/4/2023 là: 333.000.000 đồng nợ gốc; nợ lãi 118.207.401 đồng và lãi chậm trả 8.001.397 đồng, tổng cộng 126.208.798 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số 220921-6125367-ONL-5 ngày 23/09/2021 với số tiền là 501.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 16.7%/năm; số tiền gốc đã thanh toán: 83.500.000 đồng; số tiền lãi đã thanh toán: 13.122.038 đồng; ngày quá hạn: 20/12/2021; số nợ còn lại tính đến ngày 18/4/2023 là: 417.500.000 đồng nợ gốc; nợ lãi 147.378.688 đồng và lãi chậm trả 10.618.408 đồng, tổng cộng 157.997.096 đồng.

+ Khế ước nhận nợ lần 01 số ECH/21071-01 ngày 09/12/2021 với số tiền là 940.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 19,7%/năm; số tiền gốc đã thanh toán: 0 đồng; số tiền lãi đã thanh toán: 0 đồng; ngày quá hạn: 20/01/2022; số nợ còn lại tính đến ngày 18/4/2023 là: 940.000.000 đồng nợ gốc; nợ lãi 372.907.014 đồng và lãi chậm trả 25.511.895 đồng, tổng cộng 398.418.909 đồng.

Khoản tín dụng cấp cho Công ty A được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Đặng Hoàng A và ông Nguyễn Trung N theo các hợp đồng bảo lãnh:

+ Hợp đồng bảo lãnh số H09/20084 ngày 28/02/2020 giữa VP VBank với ông Đặng Hoàng A;

+ Hợp đồng bảo lãnh số ECH/21022/HDBL ngày 05/4/2021 giữa VP VBank với ông Đặng Hoàng A;

+ Hợp đồng bảo lãnh số ECH/21071/HDBL1 ngày 09/12/2021 giữa VP VBank với ông Đặng Hoàng A;

+ Hợp đồng bảo lãnh số ECH/21071/HDBL2 ngày 09/12/2021 giữa VP VBank với ông Nguyễn Trung N;

Theo nội dung các hợp đồng bảo lãnh trên thì ông Đặng Hoàng A và ông Nguyễn Trung N đồng ý bảo lãnh toàn bộ, vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty A trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng nêu trên giữa VBank và Công ty A.

Khoản tín dụng cấp cho Công ty A không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty A đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. VBank đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty A, ông Đặng Hoàng A và ông Nguyễn Trung N để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty A, ông Đặng Hoàng A và ông Nguyễn Trung N cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, VBank yêu cầu Toà án giải quyết:

1. Buộc Công ty A phải trả cho VBank tổng số nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 18/4/2023 là 4.142.669.236 đồng, gồm:

Nợ gốc: 2.963.380.122 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 1.103.935.211 đồng;

Nợ lãi chậm trả đối với tiền lãi chậm trả: 75.353.903 đồng;

Đồng thời, Công ty A vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho VBank.

2. Trường hợp Công ty A không thanh toán theo yêu cầu nêu trên thì ông Đặng Hoàng A và ông Nguyễn Trung N có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Ngoài ra, VBank không có yêu cầu gì khác.

** Đối với bị đơn Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A:*

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty A tham gia giải quyết vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án đã yêu cầu Công ty A có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng Công ty A không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ về quá trình giao kết, thực hiện hợp đồng tín dụng với nguyên đơn cũng như việc trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn Công ty A.

** Tại văn bản số 1487/ĐKKD ngày 12/12/2022 Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cung cấp thông tin*: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A, mã số doanh nghiệp 3702522997; đăng ký lần đầu ngày 15/12/2016; đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 25/11/2021; địa chỉ trụ sở chính: Số X Đường ĐT, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Người đại diện theo pháp luật: (Ông) Đặng Hoàng A, Chứng minh nhân dân 311756452, ngày cấp 15/02/2016, nơi cấp Công an T; Địa chỉ thường trú: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh T; địa chỉ liên lạc: Số Z, đường D, khu dân cư Đ, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Chức danh: Giám đốc. Hiện tại chưa nhận hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ tạm ngừng hay giải thể của doanh nghiệp nêu trên.

** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hoàng A:* Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hoàng A tham gia giải quyết vụ án nhưng ông A vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án đã yêu cầu ông A có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông A không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hoàng A. Quá trình xác minh, ông A không đăng ký thường trú, tạm trú và hiện không có mặt tại địa chỉ: Số Z, đường D, khu dân cư Đ, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Ông Đặng Hoàng A có đăng ký thường trú tại địa chỉ Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh T nhưng hiện không sinh sống tại địa chỉ trên, ông A đi đâu làm gì địa phương không rõ;

** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung N:* Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung N tham gia giải quyết vụ án nhưng ông N vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án đã yêu cầu ông N có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông N không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung N. Quá trình xác minh, ông N có đăng ký thường trú tại địa chỉ ấp M, xã H, huyện C, tỉnh T nhưng hiện không sinh sống tại địa chỉ trên, ông N đi đâu làm gì địa phương không rõ;

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn đã được triệp tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và thẩm tra công khai tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn VBank là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn VBank khởi kiện yêu cầu Công ty A thanh toán nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn Công ty A có địa chỉ trụ sở chính: Số X Đường ĐT, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 30, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Công ty A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hoàng A, ông Nguyễn Trung N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 31/3/2023 và ngày 18/4/2023 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hoàng A, ông Nguyễn Trung N.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hoàng A, ông Nguyễn Trung N; đồng thời đã triệu tập hợp lệ đại diện bị đơn Công ty A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hoàng A, ông Nguyễn Trung N tham gia các buổi làm việc, phiên họp, phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do; không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ; không cung cấp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn Công ty A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hoàng A, ông Nguyễn Trung N phải chịu hậu quả của việc không

cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ cở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được.

[2] Về nội dung:

VBank và Công ty A đã ký các Hợp đồng cho vay hạn mức số: H09/20083 ngày 28/02/2020 với hạn mức 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng); Thời hạn cho vay 12 tháng; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động xây dựng nhà các loại; Hợp đồng cho vay hạn mức số: ECH/21022 ngày 05/4/2021 với hạn mức 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng); Thời hạn cho vay 12 tháng; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động xây dựng nhà để ở và Hợp đồng cho vay hạn mức số: ECH/21071 ngày 09/12/2021 với hạn mức 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng); Thời hạn cho vay 12 tháng; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động xây dựng nhà để ở.

VBank đã giải ngân cho Công ty A theo các Khế ước nhận nợ sau:

+ Khế ước nhận nợ lần 10 số H09/20083-10 ngày 23/12/2020 với số tiền là 500.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 16,1%/năm;

+ Khế ước nhận nợ lần 11 số H09/20083-11 ngày 26/01/2021 với số tiền là 590.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 16,8%/năm;

+ Khế ước nhận nợ lần 12 số H09/20083-12 ngày 27/02/2021 với số tiền là 405.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 17,8%/năm;

+ Khế ước nhận nợ lần 01 số ECH/21022-01 ngày 05/04/2021 với số tiền là 549.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 18%/năm;

+ Khế ước nhận nợ lần 02 số ECH/21022-02 ngày 27/04/2021 với số tiền là 346.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 18%/năm;

+ Khế ước nhận nợ lần 03 số ECH/21022-03 ngày 31/05/2021 với số tiền là 374.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 18%/năm;

+ Khế ước nhận nợ lần 04 số ECH/21022-04 ngày 30/06/2021 với số tiền là 405.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 18%/năm;

+ Khế ước nhận nợ số 300721-6125367-ONL-2 ngày 30/07/2021 với số tiền là 440.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 18%/năm;

+ Khế ước nhận nợ số 270821-6125367-ONL-4 ngày 27/08/2021 với số tiền là 444.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 18%/năm;

+ Khế ước nhận nợ số 220921-6125367-ONL-5 ngày 23/09/2021 với số tiền là 501.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 16.7%/năm;

+ Khế ước nhận nợ lần 01 số ECH/21071-01 ngày 09/12/2021 với số tiền là 940.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 19,7%/năm;

Khoản tín dụng cấp cho Công ty A được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Đặng Hoàng A và ông Nguyễn Trung N qua các Hợp đồng bảo lãnh cụ thể:

+ Hợp đồng bảo lãnh số H09/20084 ngày 28/02/2020 giữa VP VBank với ông Đặng Hoàng A;

+ Hợp đồng bảo lãnh số ECH/21022/HDBL ngày 05/4/2021 giữa VP VBank với ông Đặng Hoàng A;

+ Hợp đồng bảo lãnh số ECH/21071/HDBL1 ngày 09/12/2021 giữa VP VBank với ông Đặng Hoàng A;

+ Hợp đồng bảo lãnh số ECH/21071/HDBL2 ngày 09/12/2021 giữa VP VBank với ông Nguyễn Trung N;

Khoản tín dụng cấp cho Công ty A không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Hội đồng xét xử nhận thấy, các Hợp đồng cho vay hạn mức số: H09/20083 ngày 28/02/2020; Hợp đồng cho vay hạn mức số: ECH/21022 ngày 05/4/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức số: ECH/21071 ngày 09/12/2021; các Khế ước nhận nợ số H09/20083-10 ngày 23/12/2020; số H09/20083-11 ngày 26/01/2021; số H09/20083-12 ngày 27/02/2021; số ECH/21022-01 ngày 05/04/2021; số ECH/21022-02 ngày 27/04/2021; số ECH/21022-03 ngày 31/05/2021; số ECH/21022-04 ngày 30/06/2021; số 300721-6125367-ONL-2 ngày 30/07/2021; số 270821-6125367-ONL-4 ngày 27/08/2021; số 220921-6125367-ONL-5 ngày 23/09/2021; số ECH/21071-01 ngày 09/12/2021 giữa VBank và Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A; Hợp đồng bảo lãnh số H09/20084 ngày 28/02/2020, Hợp đồng bảo lãnh số ECH/21022/HDBL ngày 05/4/2021, Hợp đồng bảo lãnh số ECH/21071/HDBL1 ngày 09/12/2021 giữa VP VBank với ông Đặng Hoàng A; Hợp đồng bảo lãnh số ECH/21071/HDBL2 ngày 09/12/2021 giữa VP VBank với ông Nguyễn Trung N là tự nguyện, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc và các bên phải thực hiện.

[3] Tại phiên tòa, đại diện VBank trình bày:

+ Đối với Khế ước nhận nợ lần 10 số H09/20083-10 ngày 23/12/2020, bị đơn đã thanh toán số tiền gốc là: 462.000.000 đồng; số tiền lãi đã thanh toán là:

43.958.964 đồng; ngày quá hạn: 21/12/2021; số nợ còn lại tính đến ngày 18/4/2023 là: 38.000.000 đồng nợ gốc; nợ lãi 7.987.734 đồng và lãi chậm trả 376.786 đồng, tổng cộng 8.364.519 đồng.

+ Đối với Khế ước nhận nợ lần 11 số H09/20083-11 ngày 26/01/2021 bị đơn đã thanh toán số tiền gốc là: 500.000.000 đồng; số tiền lãi đã thanh toán là: 51.439.403 đồng; ngày quá hạn: 21/12/2021; số nợ còn lại tính đến ngày 18/4/2023 là: 90.000.000 đồng nợ gốc; nợ lãi 30.354.170 đồng và lãi chậm trả 2.158.478 đồng, tổng cộng 32.512.648 đồng.

+ Đối với Khế ước nhận nợ lần 12 số H09/20083-12 ngày 27/02/2021, bị đơn đã thanh toán số tiền gốc là: 303.750.000 đồng; số tiền lãi đã thanh toán là: 35.846.626 đồng; ngày quá hạn: 20/12/2021; số nợ còn lại tính đến ngày 18/4/2023 là: 101.250.000 đồng nợ gốc; nợ lãi 37.326.980 đồng và lãi chậm trả 2.670.191 đồng, tổng cộng 39.997.171 đồng.

+ Đối với Khế ước nhận nợ lần 01 số ECH/21022-01 ngày 05/04/2021, bị đơn đã thanh toán số tiền gốc là: 366.001.214 đồng; số tiền lãi đã thanh toán là: 45.049.941 đồng; ngày quá hạn: 20/12/2021; số nợ còn lại tính đến ngày 18/4/2023 là: 182.998.786 đồng nợ gốc; nợ lãi 67.945.985 đồng và lãi chậm trả 4.829.786 đồng, tổng cộng 72.775.771 đồng.

+ Đối với Khế ước nhận nợ lần 02 số ECH/21022-02 ngày 27/04/2021, bị đơn đã thanh toán số tiền gốc là: 201.950.000 đồng; số tiền lãi đã thanh toán là: 27.248.364 đồng; ngày quá hạn: 21/12/2021; số nợ còn lại tính đến ngày 18/4/2023 là: 144.050.000 đồng nợ gốc; nợ lãi 54.040.894 đồng và lãi chậm trả 3.878.727 đồng, tổng cộng 57.919.621 đồng.

+ Đối với Khế ước nhận nợ lần 03 số ECH/21022-03 ngày 31/05/2021, bị đơn đã thanh toán số tiền gốc là: 187.002.000 đồng; số tiền lãi đã thanh toán là: 25.517.115 đồng; ngày quá hạn: 20/12/2021; số nợ còn lại tính đến ngày 18/4/2023 là: 186.998.000 đồng nợ gốc; nợ lãi 69.989.347 đồng và lãi chậm trả 4.991.451 đồng, tổng cộng 74.980.798 đồng.

+ Đối với Khế ước nhận nợ lần 04 số ECH/21022-04 ngày 30/06/2021, bị đơn đã thanh toán số tiền gốc là: 168.750.000 đồng; số tiền lãi đã thanh toán là: 26.256.785 đồng; ngày quá hạn: 20/12/2021; số nợ còn lại tính đến ngày 18/4/2023 là: 236.250.000 đồng nợ gốc; nợ lãi 86.953.753 đồng và lãi chậm trả 4.358.301 đồng, tổng cộng 91.312.054 đồng.

+ Đối với Khế ước nhận nợ số 300721-6125367-ONL-2 ngày 30/07/2021, bị đơn đã thanh toán số tiền gốc là: 146.666.664 đồng; số tiền lãi đã thanh toán là: 21.810.226 đồng; ngày quá hạn: 20/12/2021; số nợ còn lại tính đến ngày 18/4/2023 là: 293.333.336 đồng nợ gốc; nợ lãi 110.843.245 đồng và lãi chậm trả 7.958.482 đồng, tổng cộng 118.801.727 đồng.

+ Đối với Khế ước nhận nợ số 270821-6125367-ONL-4 ngày 27/08/2021, bị đơn đã thanh toán số tiền gốc là: 111.000.000 đồng; số tiền lãi đã thanh toán là: 17.365.363 đồng; ngày quá hạn: 20/12/2021; số nợ còn lại tính đến ngày

18/4/2023 là: 333.000.000 đồng nợ gốc; nợ lãi 118.207.401 đồng và lãi chậm trả 8.001.397 đồng, tổng cộng 126.208.798 đồng.

+ Đối với Khế ước nhận nợ số 220921-6125367-ONL-5 ngày 23/09/2021, bị đơn đã thanh toán số tiền gốc là: 83.500.000 đồng; số tiền lãi đã thanh toán là: 13.122.038 đồng; ngày quá hạn: 20/12/2021; số nợ còn lại tính đến ngày 18/4/2023 là: 417.500.000 đồng nợ gốc; nợ lãi 147.378.688 đồng và lãi chậm trả 10.618.408 đồng, tổng cộng 157.997.096 đồng.

+ Đối với Khế ước nhận nợ lần 01 số ECH/21071-01 ngày 09/12/2021, bị đơn đã thanh toán số tiền gốc là: 0 đồng; số tiền lãi đã thanh toán là: 0 đồng; ngày quá hạn: 20/01/2022; số nợ còn lại tính đến ngày 18/4/2023 là: 940.000.000 đồng nợ gốc; nợ lãi 372.907.014 đồng và lãi chậm trả 25.511.895 đồng, tổng cộng 398.418.909 đồng.

[4] Nguyên đơn VBank yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc Công ty A phải trả cho VBank tổng số nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 18/4/2023 là 4.142.669.236 đồng, gồm:

Nợ gốc còn lại: 2.963.380.122 đồng

Nợ lãi quá hạn: 1.103.935.211 đồng

Nợ lãi chậm trả đối với tiền lãi chậm trả: 75.353.903 đồng

Đồng thời, Công ty A vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho VBank.

Trường hợp Công ty A không thanh toán theo yêu cầu nêu trên thì ông Đặng Hoàng A và ông Nguyễn Trung N có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

[5] Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Công ty A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hoàng A, ông Nguyễn Trung N tham gia tố tụng, tuy nhiên họ vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên xem như bị đơn Công ty A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hoàng A, ông Nguyễn Trung N từ bỏ quyền trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã thanh toán khoản nợ còn lại cho nguyên đơn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn VBank là có cơ sở chấp nhận.

[6] VBank và Công ty A có thỏa thuận về việc trả lãi chậm thanh toán theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: H09/20083 ngày 28/02/2020; Hợp đồng cho vay hạn mức số: ECH/21022 ngày 05/4/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức số: ECH/21071 ngày 09/12/2021. Nên căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận.

[7] VBank và Công ty A có thỏa thuận về việc trả lãi chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: H09/20083 ngày 28/02/2020; Hợp đồng cho vay hạn mức số: ECH/21022 ngày 05/4/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức số: ECH/21071 ngày 09/12/2021. Thỏa thuận của hai bên phù hợp với quy định tại Điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng. Do Công ty A chậm trả tiền lãi nên nguyên đơn yêu cầu phải trả nợ lãi chậm trả đối với tiền lãi chậm trả là có căn cứ chấp nhận.

[8] Ông Đặng Hoàng A đã ký với VP VBank Hợp đồng bảo lãnh số H09/20084 ngày 28/02/2020, Hợp đồng bảo lãnh số ECH/21022/HDBL ngày 05/4/2021, Hợp đồng bảo lãnh số ECH/21071/HDBL1 ngày 09/12/2021; Ông Nguyễn Trung N đã ký với VP VBank Hợp đồng bảo lãnh số ECH/21071/HDBL2 ngày 09/12/2021 với nội dung ông Đặng Hoàng A và ông Nguyễn Trung N đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty A trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng giữa VP VBank với Công ty A. Việc ông Đặng Hoàng A và ông Nguyễn Trung N ký hợp đồng bảo lãnh với VP VBank là phù hợp với quy định tại Điều 335, 336 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, trường hợp Công ty A không thanh toán được khoản nợ cho VP VBank thì ông Đặng Hoàng A và ông Nguyễn Trung N có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

[9] Chi phí Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng do Ngân hàng Thương mại cổ phần V chịu theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[10] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[11] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty A phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn VBank.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 147, 180, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 335, 336 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 33, 34 Luật Giao dịch điện tử;

Nghị định số 35/2007/NĐ-CP của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng;

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với bị đơn Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A.

1.1. Buộc Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tổng số nợ (theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: H09/20083 ngày 28/02/2020; Hợp đồng cho vay hạn mức số: ECH/21022 ngày 05/4/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức số: ECH/21071 ngày 09/12/2021 và các Khế ước nhận nợ số H09/20083-10 ngày 23/12/2020; số H09/20083-11 ngày 26/01/2021; số H09/20083-12 ngày 27/02/2021; số ECH/21022-01 ngày 05/04/2021; số ECH/21022-02 ngày 27/04/2021; số ECH/21022-03 ngày 31/05/2021; số ECH/21022-04 ngày 30/06/2021; số 300721-6125367-ONL-2 ngày 30/07/2021; số 270821-6125367-ONL-4 ngày 27/08/2021; số 220921-6125367-ONL-5 ngày 23/09/2021; số ECH/21071-01 ngày 09/12/2021) tính đến hết ngày 18/4/2023 là **4.142.669.236 đồng** (bốn tỷ một trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi chín ngàn hai trăm ba mươi sáu đồng), gồm:

+ Nợ gốc: 2.963.380.122 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 1.103.935.211 đồng

+ Nợ lãi chậm trả đối với tiền lãi chậm trả: 75.353.903 đồng

Đồng thời, kể từ ngày 19/4/2023 Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các Hợp đồng cho vay hạn mức và các Khế ước nhận nợ đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

1.2. Trong trường hợp Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A không thanh toán được khoản nợ thì ông Đặng Hoàng A và ông Nguyễn Trung N có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số H09/20084 ngày 28/02/2020, Hợp đồng bảo lãnh số ECH/21022/HDBL ngày 05/4/2021, Hợp đồng bảo lãnh số ECH/21071/HDBL1 ngày 09/12/2021 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Vvới ông Đặng Hoàng A; Hợp đồng bảo lãnh số ECH/21071/HDBL2 ngày 09/12/2021 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V với ông Nguyễn Trung N.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A phải chịu 112.142.669 đồng (một trăm mười hai triệu một trăm bốn mươi hai ngàn sáu trăm sáu mươi chín đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 51.928.705 đồng (năm mươi mốt triệu chín trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm lẻ năm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000693 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hải Nam